TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1378/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 11 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1043/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Văn N, sinh năm 1985; Thường trú: xã Tân T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: 49/56/61A phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bùi Bé Tư, sinh năm 1985; Thường trú: xã Tân T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: 49/56/61A phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn N và bà Bùi Bé T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số I ngày 05-01-2007.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do lối sống không phù hợp, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N và bà T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Trần Huỳnh N, sinh ngày : 15-5-2008 và Trần Phúc Th, sinh ngày 29-12-2011. Khi ly

hôn, hai bên thỏa thuận ông N trực tiếp nuôi trẻ Huỳnh N, bà T trực tiếp nuôi trẻ Phúc T. Ông Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Phúc T số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 12-2018, thực hiện vào ngày đầu giữa tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà T do ông N không yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản chung : Ông N và bà T tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng do bà T và ông N chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0012151 ngày 03-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: : Trần Văn N và bà Bùi Bé T cùng thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn N và bà Bùi Bé T theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 02, quyển số I ngày 05-01-2007 do Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre cấp cho ông N và bà T chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Trần Huỳnh N, sinh ngày : 15-5-2008 và Trần Phúc T, sinh ngày 29-12-2011. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông N trực tiếp nuôi trẻ Huỳnh N, bà T nuôi trẻ Phúc T. Ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Phúc T số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 12-2018, thực hiện vào ngày giữa tháng và chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà T do ông N không yêu cầu.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông N, bà T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung : Không có

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng do bà T và ông N chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0012151 ngày 03-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
-UBND xã Tân T, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre ;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự (Thúy).

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai